

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 14-11-2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 22/2019/TLPT-HNGĐ ngày 01/10/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số 779/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1969, có mặt

Địa chỉ: Số xx Nguyễn Văn T, phường Ngô M, thành phố Q, tỉnh B

Bị đơn: Anh Tô Đình B, sinh năm 1963, có mặt

Địa chỉ: Số xx Nguyễn Văn T, phường Ngô M, thành phố Q, tỉnh B

Người kháng cáo: Bị đơn anh Tô Đình B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019, các tài liệu tiếp theo, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu H trình bày: Chị và anh Tô Đình B tự nguyện kết hôn vào ngày 15/5/1990 tại UBND phường N, Tp Q, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại số nhà Số xx Nguyễn Văn T, phường Ngô M, thành phố Q, tỉnh B. Đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng gay gắt nhất vào năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tô Đình B không quan tâm đến gia đình, vợ con và thường xuyên say rượu, bia. Chị H khuyên ngăn thì anh B đánh đập, chửi bới chị, anh B còn lấy tiền của chị để đi uống rượu, bia. Vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ năm 2014. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Tô Thị Lan P, sinh năm 1991 và Tô Thị Phương T, sinh năm 1993. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 28/5/2019, anh Tô Đình B trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống bình thường, đến tháng 3 năm 2019, do chị H uống thuốc điều trị bệnh “Tâm thần phân liệt” không thường xuyên, bệnh tái phát nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H đưa đơn xin ly hôn. Bản thân anh mong muốn được chữa trị cho chị H thuyên giảm bệnh để vợ chồng có điều kiện chăm sóc cho nhau nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh thống nhất về con chung như chị H trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 779/2019/HNGĐ-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu H được ly hôn với anh Tô Đình B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2019, bị đơn anh Tô Đình B có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Năm 2004, chị H bị bệnh tâm thần (thể Paranoid) hiện tại chị H vẫn còn nhận trợ cấp xã hội. Địa phương xác nhận anh B và chị H không có mâu thuẫn gì. Căn cứ đề yêu cầu ly hôn của chị H không rõ ràng. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh Tô Đình B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Tô Đình B trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Tô Đình B không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Huỳnh Thị Thu H và anh Tô Đình B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/1990 tại Ủy ban nhân dân phường N, Tp Q nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Anh B kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, vì anh cho rằng chị H bị bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid (thuộc nhóm bệnh tâm thần mãn tính) đã chữa trị nhiều lần tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B nhưng vẫn không khỏi nên nhiều lúc chị H bị bệnh hoang tưởng không làm chủ được bản thân. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Chứng cứ do anh B cung cấp có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2012 Bệnh viện tâm thần tỉnh B xác nhận chị H bị bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid (thuộc nhóm bệnh tâm thần mãn tính) có sổ điều trị ngoại trú chỉ định dùng thuốc đến ngày 27/9/2013. Từ thời gian 2013 đến nay chưa thấy bệnh tình của chị H phát sinh hay tiến triển như thế nào nhưng hiện nay chị H vẫn sinh hoạt và lao động bình thường. Theo trình bày của chị tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm chị đang làm tạp vụ ở trường Đại học Q để kiếm thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm chị tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh B vì không còn tình cảm với anh B, hai người sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh B cũng thừa nhận từ năm 2017 đến nay, mặc dù anh và chị H ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không quan tâm gì với nhau. Đầu năm 2019, chị H có nộp đơn ly hôn tại Tòa án thành phố Q và được Tòa án động viên, hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét thấy

tình trạng hôn nhân của chị H và anh B đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh B là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Tô Đình B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Từ những căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Tô Đình B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tô Đình B phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 28, 35, 39, 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Tô Đình B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu H được ly hôn với anh Tô Đình B.

3. Về án phí :

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tô Đình B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002039 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS Tp Quy Nhơn;
- TAND TP Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hải

Võ Thị Hồng Thu

Nguyễn Văn Nghĩa

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hải

Võ Thị Hồng Thu

Nguyễn Văn Nghĩa

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thúy Liên Võ Thị Hồng Thu

Nguyễn Văn Nghĩa